**Tiếng Việt**

**Bài 25 s x**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Nhận biết các âm và chữ s, x; đánh vần, đọc đúng tiếng có s, x.

Nhìn chữ dưới hình, tìm đúng tiếng có âm s, âm x.

Đọc đúng bài Tập đọc *sẻ, quạ.*

Biết viết trên bảng con các chữ, tiếng: s, x, sẻ, xe (ca).

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập hoặc tranh ảnh, mẫu vật.

- Bảng con, phấn, bút dạ để học sinh làm bài tập 4 (tập viết).

- Vở Bài tập Tiếng Việt .

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TL | HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH | HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN |
|  | Tiết 1 |  |
| 5’ | **1.Mở đầu**  **1. 1.Trình chiếu phần Khởi động gồm các yêu cầu sau** |  |
|  | Gọi 2 HS đọc bài *Quà quê* (bài 24)  -Đọc:quả lê, rổ cá, gà ri.  -Nhận xét chung. | - 2HS đọc bài *Quà quê*  - Viết bảng con/mỗi dãy:1 từ  Nhận xét. |
| 3’ | **1.2.Giới thiệu bài**  Học 2 âm và chữ **s, x.**  GV chỉ chữ **s,** phát âm: **s** (sờ).  / Làm tương tự với **x** (xờ).  GV giới thiệu chữ **S, X** in hoa. | HS: s (sờ).  HS: x (xờ).  **S** (sờ).**, X** (xờ). |
| 16’ | **2.Hình thành kiến thức mới**  **Chia sẻ và khám phá** (BT 1**:** Làm quen) |  |
|  | **a)Âm s và chữ s:**  Chiếu màn hình.Hỏi:Đây là con gì?  - GV viết bảng **sẻ**  - GV:Trong tiếng **sẻ** có âm gì đã học?  -Phân tích tiếng **sẻ.**  - GV chỉ tiếng **sẻ**; yêu cầu HS đánh vần tiếng **sẻ**  -Yêu cầu HS đọc trơn tiếng **sẻ**  - Yêu cầu HS đọc trơn từ **sẻ.**  **b) Âm x, chữ x:**  Chiếu màn hình.Hỏi:Đây là cái gì?  - GV viết bảng **xe**  - GV:Trong tiếng **xe** có âm gì đã học?  -Phân tích tiếng **xe.**  - GV chỉ tiếng **xe**; yêu cầu HS đánh vần tiếng **xe**  -Yêu cầu HS đọc trơn tiếng **xe**  - Yêu cầu HS đọc trơn từ **xe ca.**  \* Củng cố: HS nói 2 chữ vừa học **(s, x);** 2 tiếng vừa học **(sẻ, xe).** | HS nhìn hình, nói: Chim sẻ.  - Nói:**sẻ**  - Trong tiếng quả có âm **e**, **dấu hỏi** đã học.  - Phân tích tiếng sẻ: gồm âm s (sờ) và âm e, dấu hỏi đặt trên e.  -HS nhìn mô hình, đánh vần: sờ- e-se- hỏi – sẻ.  - HS đọc trơn tiếng **sẻ**  HS (cá nhân, cả lớp) đọc:sẻ  - xe ô tô, xe ca...  - HS đọc: xe  - Trong tiếng quả có âm **e** đã học.  - Phân tích tiếng xe: gồm âm x (xờ) và âm e.  - HS nhìn mô hình, đánh vần: xờ- e –xe.  - HS đọc trơn tiếng **xe**  HS (cá nhân, cả lớp) đọc:xe ca  - HS gắn lên bảng cài: **s, x, sẻ, xe.** |
| 14’ | **3.Luyện tập – Thực hành** |  |
|  | **3.1.Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có âm s? Tiếng nào có âm x?)  Thực hiện như những bài trước. Cuối cùng, GV chỉ từng chữ (in đậm), cả lớp đồng thanh: Tiếng sổ có âm s. Tiếng xô có âm x,...  **3.2.Tập đọc** (BT 3)  a)Giới thiệu bài đọc: GV chỉ hình, giới thiệu bài đọc kể về một chú sẻ con rất sợ hãi khi nghe tiếng quạ kêu. Các em cùng đọc để biết sẻ và quạ khác nhau thế nào và vì sao nghe quạ la thì không nên sợ.  b)GV đọc mẫu: rõ ràng, chậm rãi; vừa đọc vừa chỉ hình.  c) Luyện đọc từ ngữ: nhà sẻ, sẻ bé, ca “ri... ri...”, phía xa, nhà quạ, quạ la “quà... quà...”, sợ quá, dỗ. | - HS nói 3-4 tiếng ngoài bài có âm s (sợ, sắc, sâu, sao, sen,...); có âm x (xa, xé, xanh, xấu,...).  Lắng nghe  Lắng nghe  - Hs luyện đọc cá nhân  - Lớp đồng thanh |
|  | **Hết tiết 1** |  |
| 18’  15’ | **3.2.Tập đọc** (BT 3 –tiếp theo)  d)Luyện đọc từng lời dưới tranh  GV: Bài có 6 tranh. Dưới mỗi tranh 1, 2, 3, 4, 5 có 1 câu. Tranh 6 có 4 câu.  GV chỉ từng lời cho HS đọc vỡ. Đọc liền 3 câu cuối (ở tranh 6).  d)Đọc tiếp nối từng lời dưới tranh (cá nhân, từng cặp).  Thi đọc tiếp nối 3 đoạn (mồi đoạn 2 tranh); thi đọc cả bài (từng cặp, tổ). Cuối cùng, 1 HS đọc cả bài, cả lớp đọc đồng thanh.  g) Tìm hiểu bài đọc  GV nêu YC; chỉ hình, mời 1 HS nói kết quả:  GV: Thấy sẻ con sợ hãi khi nghe quạ la, sẻ bố nói với con: sẻ thì ca —ri... ri...”. Quạ thì la —quà... quà...”, không có gì phải sợ.  - Qua câu chuyện, các em hiểu điều gì?  \* Cả lớp đọc lại bài 25; đọc cả 8 chữ vừa học trong tuần, dưới chân trang 48.  **3.3. Tập viết** (bảng con - BT 4)  HS đọc các chữ, tiếng vừa học trên bảng.  GV vừa viết (hoặc tô) chữ mẫu trên bảng lớp vừa hướng dẫn  Chữ s: cao hơn 2 li một chút; là kết hợp của 3 nét cơ bản: 1 nét thẳng xiên, 1 nét thắt (tạo thành vòng xoắn), 1 nét cong phải.  Chữ x: cao 2 li; viết 1 nét cong phải, 1 nét cong trái cân đối với nét cong phải. Hai nét cong chạm lưng vào nhau, tạo ra hai phần đối xứng.  Tiếng **sẻ:** viết **s** trước, **e** sau, dấu hỏi đặt trên **e;** chú ý viết **s** gần **e.**  Tiếng **xe:** viết chữ **x** trước, chữ **e** sau. Tương tự với tiếng **ca.** | - Hs đọc  - Hs thực hiện  - Hs nêu kết quả.  1) sẻ ca “ri... ri...”.  2) Quạ la —quạ... quạ...”. /.  +Mỗi loài có tiếng nói riêng, sẻ không phải sợ tiếng kêu của quạ.  + Mỗi loài có tiếng kêu, tiếng hót riêng.  + Mỗi loài có đặc điểm riêng.  - Hs quan sát  - Hs thực hiện  ǰǰǰǰǰǰ  s sẻ  x xƗ  ǰǰǰǰǰǰ  ǰǰǰǰǰǰ  ǰǰǰǰǰǰ  HS viết: **s, x** (2 - 3 lần). Sau đó viết: **sẻ, xe** (ca). |
| 2’ | **4. Hoạt động vận dụng**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà làm lại BT5 cùng người thân, xem trước bài 27( Ôn tập)  - GV khuyến khích HS tập viết chữ **s,x,sẻ,xe ca** trên bảng con  GV nhắc HS về nhà kể cho người thân nghe câu chuyện *Sẻ, quạ.* | Lắng nghe |
|  | Hết tiết 2 |  |

IV.Điều chỉnh sau bài dạy